

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ THỂ THAO TRÍ TUỆ
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ THỂ THAO TRÍ TUỆ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BRAINS SPORT INVESTMENT ADVISORY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: BRAINS SPORT CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108133975

3. Ngày thành lập: 16/01/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 37, ngõ 27 Đại Cồ Việt, Phường Cầu Dền, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm Bán đấu giá ô tô và xe có động cơ khác)	4511
2.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm Bán đấu giá ô tô và xe có động cơ khác)	4513
3.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
4.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
5.	Giáo dục tiểu học	8520
6.	Đào tạo cao đẳng	8541
7.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
8.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
9.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
10.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
11.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm Bán đấu giá ô tô và xe có động cơ khác)	4530
12.	Bán mô tô, xe máy (Không bao gồm đấu giá mô tô, xe máy loại mới và loại đã qua sử dụng)	4541
13.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542

14.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Không bao gồm đầu giá phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy)	4543
15.	Tư vấn, môi giới, đầu giá bất động sản, đầu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất	6820
16.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
17.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
18.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
19.	Khai thác quặng sắt	0710
20.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
21.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
22.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
23.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5221
24.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Loại trừ hoạt động kinh doanh vàng)	4662
25.	Xây dựng công trình công ích	4220
26.	Đại lý, môi giới, đầu giá Chi tiết: Đại lý	4610
27.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
28.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
29.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
30.	Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng	8710
31.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
32.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
33.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
34.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động phiên dịch	7490
35.	Cho thuê xe có động cơ	7710
36.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730

37.	Hoạt động thể thao khác Chi tiết: - Hoạt động của các nhà đạo diễn hoặc các nhà tổ chức các sự kiện thể thao, có hoặc không có cơ sở - Hoạt động của các vận động viên và những người chơi thể thao bằng tài khoản sở hữu cá nhân, trọng tài, người bấm giờ .v.v - Hoạt động liên quan đến thúc đẩy các sự kiện thể thao	9319
38.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
39.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
40.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
41.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
42.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
43.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
44.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
45.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
46.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
47.	Xây dựng nhà các loại	4100
48.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
49.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
50.	Phá dỡ	4311
51.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
52.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
53.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
54.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
55.	Hoạt động của các bệnh viện, trạm xá	8610
56.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
57.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
58.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Các hoạt động vui chơi và giải trí khác; Trò chơi điện tử trên mạng	9329
59.	Đại lý du lịch	7911
60.	Điều hành tua du lịch	7912
61.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
62.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
63.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
64.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821

65.	Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông	8531
66.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
67.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
68.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
69.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
70.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
71.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
72.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
73.	Sản xuất sẫm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
74.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
75.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
76.	Đúc sắt, thép	2431
77.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
78.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
79.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
80.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
81.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
82.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
83.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
84.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
85.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2212
86.	Đúc kim loại màu	2432
87.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
88.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
89.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
90.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
91.	Bán buôn thực phẩm	4632
92.	Bán buôn đồ uống	4633
93.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
94.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
95.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
96.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
97.	Giáo dục mầm non	8510
98.	Đào tạo đại học và sau đại học	8542
99.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110

100.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
101.	Quảng cáo	7310
102.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
103.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
104.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312(Chính)
105.	Bán buôn tổng hợp	4690
106.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
107.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
108.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
109.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
110.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
111.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
112.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
113.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
114.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
115.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
116.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
117.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552

6. Vốn điều lệ: 5.600.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN TIẾN DŨNG	Số 6 Nhà Chung, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	840.000.000	15,000	001080008884	
2	PHAN TRỌNG TUYẾN	Số 167B, đường Nguyễn Thái Học, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	784.000.000	14,000	012022271	

3	HOÀNG QUỐC QUÂN	Số 4 ngõ Bà Triệu, phố Tô Hiến Thành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	784.000.000	14,000	011932673	
4	NGUYỄN NGỌC PHÚC	Số nhà 37, ngõ Túc Mác, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	784.000.000	14,000	001083013441	
5	HOÀNG MINH CHÂU	Số 32A, đường Đại Cồ Việt, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	840.000.000	15,000	B3003669	
6	LÊ THỊ KHÁNH LIÊN	Số 6 D2B 218 phố Đội Cấn, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	784.000.000	14,000	001187015103	
7	NGUYỄN TIẾN LONG	Số 6 Nhà Chung, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	784.000.000	14,000	001082003048	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: HOÀNG MINH CHÂU

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 04/01/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Hộ chiếu Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: B3003669

Ngày cấp: 29/04/2009

Nơi cấp: *Cục quản lý xuất nhập cảnh*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 32A, đường Đại Cồ Việt, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 32A, đường Đại Cồ Việt, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội